TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10 /2025/DS-PT Ngày 03 - 01 - 2025 V/v tranh chấp "Yêu cầu mở lối đi"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Ông Trần Hữu Tính.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 499/2024/TLPT-DS ngày 14/11/2024 về việc tranh chấp "Yêu cầu mở lối đi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 276/2024/DS-ST ngày 19/8/2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 653/2024/QĐ-PT ngày 21/11/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1940.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền *của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H:* Bà **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1976 (theo văn bản ủy quyền ngày 16/06/2023) (Có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Ông **Mai Văn Ú,** sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Mai Văn Ú: Luật sự Nguyễn Thanh T1 – Văn phòng Luật sư Cao Minh T2 – Đoàn Luật sư tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Tăng N,** sinh năm 1961.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tăng N (theo văn bản ủy quyền ngày 13/11/2023)*:*

+ Chị **Nguyễn Thị Thu H1,** sinh năm 1987 (Có mặt)

+ Anh **Lê Hữu Q**, sinh năm 1983 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1976 (Có mặt).

3. Ông **Ngô Hồng T3,** sinh năm 1974 (Có mặt).

4. Chị **Ngô Thị Thanh T4,** sinh năm 1994 (Có đơn xin vắng mặt).

5. Chị **Ngô Thị Thúy A**, sinh năm 2002 (Có đơn xin vắng mặt).

6. Anh **Huỳnh Vũ K**, sinh năm 1993 (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp là người đại diện theo ủy quyền *của người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan* của ông T3; K; T4 (văn bản ủy quyền có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T ngày 11/07/2023)*:* Bà **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. Bà **Nguyễn Thị Kim H2**, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: tổ G, khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Mai Văn Ú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị T - đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H *trình bày:*

Bà H được Nhà nước cấp đất theo Quyết định số 07/QĐ/UBND ngày 09/5/1981 của Ủy ban nhân dân huyện C; đất và đường đi công cộng được sử dụng hợp pháp. Tại Quyết định số 66/QĐ/UBND ngày 09/12/1994 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang quyết định giao quyền sử dụng 1.643m^2 đất vườn tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho bà Dương Thị C canh tác sử dụng; còn bà H được tiếp tục canh tác, sử dụng trên 1.792m^2 đất vườn nay là thửa đất số 317, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.771,5m^2, tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà H đứng tên. Nhưng thửa đất nhà bà H không có lối đi ra công cộng nên tại Điều 1 của Quyết định số 66 ngày 09/12/1994 của Ủy ban nhân dân huyện C quyết định bà Dương Thị C có trách nhiệm chừa lối đi ngang 02m, dài 51,5m cho bà H sử dụng. Gia đình bà H sử dụng lối đi này ổn định từ năm 1981 cho đến nay. Ông Nguyễn Tăng N là con và nhận thừa kế đất từ bà C và đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa 228, tờ bản đồ số 17, diện tích 88,8m^2, tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông N. Ông N bán lại cho ông Mai Văn Ú và ông Ú được đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 906, tờ bản đồ số 17, diện tích 309,7m^2, tọa lạc tại M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp ngày 03/10/2022. Ông Út R lại lối đi, không cho hộ gia

đình bà đi trên lối đi nêu trên. Ngày 12/6/2023 bà H có làm đơn yêu cầu hòa giải tại UBND xã nhưng không thành và chuyển hồ sơ về cho Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Mai Văn Ú phải có trách nhiệm chừa lối đi có diện tích đo thực tế là 88,9m^2 trên thửa đất số 906, tờ bản đồ số 17, diện tích 309,7m^2, tọa lạc tại M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp ngày 3/10/2022; yêu cầu ông Ú phải di dời, tháo dỡ hàng rào cột bêtông, lưới B40 trả lại hiện trạng thửa đất ban đầu cho hộ gia đình bà.

***Bị đơn ông Mai Văn Ú** trình bày:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không đồng ý vì ông nhận chuyển nhượng từ **ông Nguyễn Tăng N** là hợp pháp đúng theo quy định của pháp luật; ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bán cho ông. Ông không biết việc bà C là mẹ của ông N phải chừa cho bà H diện tích đất ngang 02m, dài 51,5m theo quyết định của Ủy ban nhân dân huyện C. Hiện nay ông đã bán diện tích đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị Kim H2; hai bên mới làm hợp đồng đặt cọc mua đất với giá là 500.000.000 đồng; ông đã nhận tiền đặt cọc của bà H2. Bà H2 có ý kiến không tranh chấp trong vụ án này nếu ông và bà H2 có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Ông Ú xác định bà H có lối đi khác để đi ra đường công cộng chứ không phải là lối đi duy nhất như bà T - đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày.

***Chị Nguyễn Thị Thu H1 và anh Lê Hữu Q - đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của ông Nguyễn Tăng N** trình bày:*

Ông Nguyễn Tăng N được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02286 ngày 01/3/2013 thửa đất số 228, tờ bản đồ số 17, diện tích sử dụng 88,8m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, thời hạn sử dụng là: ngày 15/10/2043.

Ngày 13/9/2022 ông N đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 228 cho ông Mai Văn Ú; hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C1. Phần đất tranh chấp nêu trên nay đã thuộc quyền sử dụng của ông Ú. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông N không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo quy định của pháp luật. Ông N xác định gia đình bà H có rất nhiều lối đi, chứ không phải một lối đi duy nhất như bà H trình bày.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H2** trình bày*:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo quy định của pháp luật. Đối với việc bà có đặt cọc mua thửa đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thì bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, nếu có phát sinh tranh chấp bà sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự khác và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T; ông Ngô Hồng T3; Ngô Thị Thanh T4; Huỳnh Vũ K có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị T *trình bày:*

Thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Thúy A *trình bày*:

Chị thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số 276/2024/DS-ST ngày 19/8/2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào các vào Điều 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 245, 246, 247, 248, 254, 256, 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 95, 171 Luật Đất đai và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Mai Văn Ú phải mở lối đi cho bà Nguyễn Thị H với diện tích theo đo đạc thực tế là 88,9m^2 nằm trong thửa đất số 906, tờ bản đồ số 17, diện tích 309,7m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS 06093 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp cho ông Mai Văn Ú vào ngày 03/10/2022.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Buộc ông Mai Văn Ú tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40 có diện tích 50,4m^2 trên phần đất thửa số 906 để mở lối đi cho bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Mai Văn Ú sử dụng hạn chế diện tích đất mà bà Nguyễn Thị H sử dụng làm lối đi. Bà H có quyền yêu cầu đăng ký biến động hạn chế quyền sử dụng đất đối với diện tích được mở lối đi là 88,9m^2 nằm trong thửa đất số 906, tờ bản đồ số 17, diện tích 309,7m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS 06093 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp cho ông Mai Văn Ú vào ngày 03/10/2022 đứng tên theo quy định tại Điều 95, 171 Luật Đất đai 2013.

Vị trí và tứ cận của diện tích được mở lối đi được thể hiện tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất; Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 01/02/2024 và Mảnh trích đo địa chính số 11-2024 được duyệt ngày 22/02/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 26/8/2024 ông Mai Văn Ú có đơn kháng cáo yêu cầu sữa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Ông Mai Văn Ú vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư Nguyễn Thanh T1 đưa ra nhiều luận cứ, chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ú, sau cùng đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Ú.

- Chị Nguyễn Thị T: đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Chị H1 và anh Q: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Ú.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H2 vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Mai Văn Ú; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Theo Công văn số 2081/UBND-NC ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện C xác định: theo Quyết định số 66/QĐ.UB ngày 09/12/1994 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Dương Thị C. Tại Điều 1 của Quyết định có đoạn: *"..... Bà C có trách nhiệm chừa lối đi ngang 02m, dài 51,5m cho bà H...."* . Ngày 08/8/1997 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 171/QĐ.UB về điều chỉnh quyết định số 66/QĐ.UB ngày 09/12/1994 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Dương Thị C xã T. Quyết định được triển khai cho ông Nguyễn Tăng N là con của bà C nhận quyết định nhưng không đồng ý kết quả giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện nên khiếu nại về Ủy ban nhân dân tỉnh T. Đến ngày 21/4/1999 Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 979/QĐ-UB về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Dương Thị C. Tại Điều 1 của Quyết định: (*Nay bác đơn khiếu nại của bà Dương Thị C, ngụ ấp M, xã T, huyện C, chuẩn y Quyết định số 171/QĐ-UB ngày 08/8/1997 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc điều chỉnh Quyết định số 66/QĐ.UB ngày 09/12/1994 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Dương Thị C, ngụ xã T*). Thêm vào đó, nguồn gốc đất của thửa đất số 906, diện tích 309,7m^2 tại ấp M, xã T, huyện C,

tỉnh Tiền Giang do ông Ú đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có phần diện tích 88,9m^2 thửa đất số 228 do ông N đứng tên. Phần diện tích đất này theo Quyết định số 66/QĐ.UB ngày 09/12/1994 của Ủy ban nhân dân huyện C thì Ủy ban nhân dân huyện C đã giao cho bà Dương Thị C phần đất là thửa số 1504, diện tích 1.578m^2 do bà C đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất ngày 01/01/1999 và bà C có trách nhiệm chừa lối đi ngang 2m, dài 51,5m cho gia đình bà H sử dụng.

Theo tài liệu do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp: năm 2002 thửa 1504 lại tách thành 03 thửa gồm: thửa số 1540, diện tích 1.193m^2; thửa số 2440, diện tích 274m^2 và thửa số 2441, diện tích 111m^2. Theo biên bản chỉnh lý biến động hình thể đất đai ngày 23/4/2002 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C thể hiện phần đất ngang 02 m là thửa 2441 có chữ ký xác nhận của bà Dương Thị C, bà Nguyễn Thị H. Điều này đã thể hiện thửa đất số 2441 là phần đất lối đi mà Ủy ban nhân dân huyện C đã chừa cho bà H theo Quyết định số 66 /QĐ.UB ngày 09/12/1994. Sau đó, bà C chuyển quyền sử dụng đất thửa số 2440 (sau đó cấp đổi lại là thửa 227) cho bà Đặng Thị N1, chuyển quyền sử dụng đất 02 thửa gồm: thửa 1504 và thửa 2441 (sau đó cấp đổi lại là thửa 228) cho ông Nguyễn Tăng N. Ngày 13/9/2022, hộ bà N1 và hộ ông N chuyển nhượng cho ông Mai Văn Ú 02 thửa đất số 227 và 228; ông Ú đã xin hợp hai thửa đất này thành thửa số 906, diện tích 309,7m^2 và đã được Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/10/2022.

Do đó, phần diện tích đất lối đi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn mở đã được Ủy ban nhân dân huyện C công nhận cho nguyên đơn được đi trên lối đi đó từ trước cho đến nay; nên việc bị đơn rào lối đi của nguyên đơn là không phù hợp.

Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông Mai Văn Ú phải mở lối đi theo diện tích thực đo là 88,9m^2 (thửa đất số 228 cũ) nằm trong thửa đất số 906, tờ bản đồ số 17, diện tích 309,7m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS 06093 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Mai Văn Ú đứng tên là có căn cứ.

[2.6] Về việc đền bù thiệt hại do mở lối đi:

Xét thấy căn cứ theo Quyết định số 979/QĐ-UB ngày 21/4/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh T và Quyết định số 171/QĐ-UB ngày 08/8/1997 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc điều chỉnh Quyết định số 66/QĐ.UB ngày 09/12/1994 của Ủy ban nhân dân huyện G nguyên nội dung Quyết định số 66 đã xác định chừa lối đi nguyên đơn nên nguyên đơn không phải đền bù thiệt hại do mở lối đi trên đất của bị đơn. Ngoài ra, trên phần đất được mở lối đi ông Ú có làm một hàng rào lưới B40, có diện tích 50,4m^2 có thể tháo dỡ, di dời được. Do đó, cần buộc ông Ú có trách nhiệm tháo dỡ, di dời để mở lối đi cho bà H là phù hợp. Giữa ông Ú với ông N nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.7] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không được chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lại ích hợp pháp của ông Mai Văn Ú không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Mai Văn Ú không được chấp nhận nên ông Ú phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Mai Văn Ú.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 276/2024/DS-ST ngày 19/8/2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào các vào Điều 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 245, 246, 247, 248, 254, 256, 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 95, 171 Luật Đất đai và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Mai Văn Ú phải mở lối đi cho bà Nguyễn Thị H với diện tích theo đo đạc thực tế là 88,9m^2 nằm trong thửa đất số 906, tờ bản đồ số 17, diện tích 309,7m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS 06093 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp cho ông Mai Văn Ú vào ngày 03/10/2022.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Buộc ông Mai Văn Ú tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40 có diện tích 50,4m^2 trên phần đất thửa số 906 để mở lối đi cho bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Mai Văn Ú sử dụng hạn chế diện tích đất mà bà Nguyễn Thị H sử dụng làm lối đi.

Bà H có quyền yêu cầu đăng ký biến động hạn chế quyền sử dụng đất đối với diện tích được mở lối đi là 88,9m^2 nằm trong thửa đất số 906, tờ bản đồ số 17, diện tích 309,7m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS 06093 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Mai Văn Ú vào ngày 03/10/2022 đứng tên theo quy định tại Điều 95, 171 Luật Đất đai 2013.

Vị trí và tứ cận của diện tích được mở lối đi được thể hiện tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất; Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 01/02/2024 và Mảnh trích đo địa chính số 11-2024 được duyệt ngày 22/02/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Mai Văn Ú phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định là người cao tuổi và có đơn theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Mai Văn Ú phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015720 ngày 28/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như anh đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2024-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Bình